

Bản án số: 28/2024/DS-PT
Ngày 31-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán:

- Ông Lương Thanh Chín;
- Bà Vũ Thị Thanh Hòa;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:** Bà Lương Thị Mai Châm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 105/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 38/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2023; Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm số 7A/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2023; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TDS ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Việt Q, sinh năm 1981; có mặt

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1984; vắng mặt

Địa chỉ: số A T, phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1983, địa chỉ: số A T, phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 29/9/2022). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thái N, Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Thị Lệ N1, sinh năm 1982; vắng mặt

Địa chỉ: số I đường V, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Ông Phạm Viết D, sinh năm 1967, địa chỉ: khu phố A, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2022). có mặt

- Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1983; có mặt

Địa chỉ: số A T, phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1951; vắng mặt

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

4. Người kháng cáo:

Ông Nguyễn C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/11/2020, ông Phạm Viết Q và ông Nguyễn C có làm văn bản thoả thuận hợp tác xin thuê 100.000m² đất mặt tiền đường dự phóng 719B thuộc xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Theo đó ông C đồng ý góp chi phí để làm thủ tục xin thuê đất là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Để đảm bảo niềm tin, ngày 18/11/2020 ông Q đã lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn C diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734; và diện tích đất 3.796,3m², trên đất có một nhà yển, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020. Giá trị thực của 02 thửa đất là 3.500.000.000đồng nhưng để giảm thuế và các khoản phí, lệ phí khác nên ghi trong hợp đồng là 452.000.000đồng. Hợp đồng chuyển nhượng là hình thức để đảm bảo thực hiện bản cam kết hợp tác giữa ông Q và ông C nên ông C chưa thanh toán tiền mua đất cho ông Q. Do ông Nguyễn C không thực hiện đúng như thoả thuận ngày 13/11/2020 nên ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn C thực hiện đúng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nhưng ông Nguyễn C cố tình né tránh.

Do đó, ông Phạm Việt Q yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ,GD ngày 18/11/2020 tại Văn phòng C1 giữa bên chuyển nhượng là vợ chồng ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N1 với bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn C là vô hiệu do giả tạo.

Bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn C có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N1 diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734; và diện tích đất 3.796,3m², trên đất có một nhà yển, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020, giá chuyển nhượng 452.000.000đồng. Việc chuyển nhượng này có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ,GD ngày 18/11/2020 tại Văn phòng C1. Ông Nguyễn C đã thanh toán đủ tiền 452.000.000đ cho vợ chồng ông Q. Việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận giao kết, thời điểm công chứng các bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, mục đích, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp các Điều 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông Nguyễn C không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Việt Q, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Việt Q. Đồng thời yêu cầu Tòa tuyên công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên cùng quyền sở hữu tài sản, công trình trên đất cụ thể là 01 căn nhà có 01 trệt 03 lầu đang dùng nuôi chim yển và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông Nguyễn Chín .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Lệ N1 trình bày: Bà N1 đồng ý với phần trình bày của chồng bà là ông Phạm Việt Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Bà T là vợ của ông Nguyễn C, vợ chồng bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Việt Q đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Việt Q, đồng thời yêu cầu Tòa tuyên công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên cùng quyền sở hữu tài sản, công trình trên đất cụ thể là 01 căn nhà có 01 trệt 03 lầu đang dùng nuôi chim yển và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông Nguyễn Chín .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Bà H là mẹ ruột của ông Phạm Việt Q. Ngày 13/11/2020, ông Nguyễn C có chuyển khoản cho bà tổng cộng 500.029.700đ là tiền mua bán đất khác ở trong huyện H, tỉnh Bình Thuận chứ không liên quan gì trong vụ án tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ-GD ngày 18/11/2020 tại Văn phòng C1 giữa bên chuyển

nhượng là vợ chồng ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N1 với bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn C. Vì ngày 28/10/2020 bà H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020 vay tiền tại Ngân hàng N2 (Chi nhánh H2) để vay 450.000.000đồng, nên ông C chuyển cho bà H để trả ngân hàng và lấy Giấy chứng nhận ra làm hợp đồng chuyển nhượng thực hiện Văn bản thỏa thuận ngày 13/11/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 124, Điều 385 và Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Việt Q về việc yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ-GD ngày 18/11/2020 đối với diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và diện tích đất 3.796,3m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020 giữa vợ chồng ông Phạm Việt Q, bà Mai Thị Lệ N1 với ông Nguyễn C là vô hiệu do giả tạo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Ngày 27/5/2023, ngày 31/5/2023 và ngày 27/6/2023, bị đơn ông Nguyễn C kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Việt Q; Tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ-GD ngày 18/11/2020 đối với diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và diện tích đất 3.796,3m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020 là hợp pháp; T1 buộc ông Phạm Việt Q phải tháo dỡ và di chuyển toàn bộ công trình, cây trồng, vật nuôi trái pháp luật theo biên bản làm việc do UBND xã Đ lập ngày 12/8/2022 và người không liên quan ra khỏi nhà đất nêu trên để trả lại nhà, đất cho ông C.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Việt Q; Tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ-GD ngày 18/11/2020 đối với diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và diện tích đất 3.796,3m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn C:

[2.1] Căn cứ lời khai nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ, nhận thấy:

- Ngày 13/11/2020, ông Nguyễn C và ông Phạm Việt Quốc l văn bản thỏa thuận với nội dung: “*Ông Phạm Việt Q đang thực hiện thủ tục đầu tư, thực hiện pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng ý cho ông Nguyễn C liên doanh hợp tác với diện tích 100.000m² đất vị trí liền kề đất mặt tiền đường dự phóng 719 tại xã T và xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Tôi (Nguyễn C) sẽ chuyển tiền cho ông Phạm Việt Q với số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) để làm các thủ tục thuê đất như trên*”. Cùng ngày 13/11/2020, ông Nguyễn C chuyển khoản cho ông Phạm Việt Q số tiền 48.000.000đồng, và chuyển khoản cho bà Trần Thị H (là mẹ ông Phạm Việt Q) số tiền

452.000.000đồng. Tổng cộng 500.000.000đồng. Việc ông C chuyển tiền cho bà H có sự đồng ý của ông Q và bà H.

- Ngày 18/11/2020, vợ chồng ông Phạm Việt Q, bà Mai Thị Lệ N1 ký với ông Nguyễn C hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ,GD đối với thửa đất số 04, diện tích 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và thửa đất số 05, diện tích 3.796,3m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020.

[2.2] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/11/2020, nhận thấy giá đất chuyển nhượng ghi 452.000.000đồng (Bốn trăm năm mươi hai triệu đồng) là thấp hơn nhiều so với giá thực tế mà hội đồng định giá đã xác định đối với 02 thửa đất là 703.630.000đồng (Bảy trăm lẻ ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); Tại thời điểm xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì trên thửa đất số 05, diện tích 3.796,3m² có một căn nhà nuôi chim yến (01 tầng trệt 03 tầng lầu), trị giá 3.150.000.000đồng (Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) và một số tài sản khác theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2021, nhưng trong hợp đồng ngày 18/11/2020 các bên không đề cập đến. Ông Nguyễn C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận mua bán các tài sản trên thửa đất số 04, 05; Ngày 13/11/2020, ông Nguyễn C ký hợp đồng hợp tác với ông Phạm Việt Q và chuyển số tiền 500.000.000đồng cho bà Trần Thị H và ông Phạm Việt Q, đến ngày 18/11/2020 ông C mới ký với vợ chồng ông Q hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 04, 05 nhưng ông C cho rằng số tiền 500.000.000đồng được thanh toán cho việc chuyển nhượng đất, tài sản trên đất và cho ông Quốc m là không phù hợp. Mặt khác, từ trước đến nay vợ chồng ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N1 vẫn là người quản lý, sử dụng thửa đất số 04, 05 và tài sản trên đất. Vì vậy, có cơ sở xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/11/2020 đối với diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và diện tích 3.796,3m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020 giữa vợ chồng ông Phạm Việt Q và bà Mai Thị Lệ N1 với ông Nguyễn C là giả tạo nhằm che giấu cho giao dịch thỏa thuận hợp tác ngày 13/11/2020 giữa ông Q và ông C, nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/11/2020 bị vô hiệu theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Việt Q là có cơ sở.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 9.669.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá nhưng không quyết định nghĩa vụ của bị đơn trong trường hợp chậm trả tiền là thiếu sót nên cần bổ sung cho đúng quy định.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn C .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

Áp dụng Điều 117, Điều 122, Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Việt Q.

Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 04056, quyền số 01/2020-SCC/HĐ,GD ngày 18/11/2020 đối với diện tích đất 400m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131734 và diện tích đất 3.796,3m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 131735 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 19/8/2020 giữa vợ chồng ông Phạm Việt Q, bà Mai Thị Lệ N1 với ông Nguyễn C là vô hiệu do giả tạo.

2. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn C phải hoàn trả cho ông Phạm Việt Q số tiền 9.669.000đồng (Chín triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí

- Ông Phạm Việt Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Phạm Việt Q số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009894 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

- Ông Nguyễn C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0019518 ngày 27/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/01/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND H.Hàm Thuận Bắc;
- Chi Cục THADS H. Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Đức Hùng